

Ca Dao & Thơ Lục Bát

Trang Y Hạ

Cho tới ngày nay, không một ai có thể biết “ca dao” có từ thời gian nào? Ca dao xuất phát đầu tiên là ở vùng nào? Ca dao không ghi lại ngày tháng. Ca dao đơn giản chỉ là truyền miệng, các nhà nghiên cứu văn học gọi là “*Văn Chương Truyền Khẩu*”, ca dao xuất phát từ những người nông dân không biết chữ, nhưng lại giàu kinh nghiệm “lão nông tri tiên”. Người nông dân quanh năm suốt tháng lặn lội trên đồng, họ thừa biết thời tiết mưa nắng dông bão nên ghi lại bằng ca dao, tục ngữ... Làng xã nơi họ sinh sống là nơi hình thành nếp sống, nếp nghĩ - tình làng nghĩa xóm, giúp đỡ lẫn nhau chống chọi lại thiên tai và cường quyền. Từ đó “*hương ước*” ra đời, có người cho rằng hương ước từ bên Tàu du nhập qua. Tôi đã từng tin, nhưng tôi suy đi nghĩ lại và tìm hiểu thêm - là không phải như vậy.

Theo: Kinh Lễ Ký: Tế-Sạ - có nghĩa là Tết. Khổng Tử viết:

“Ta không biết Tết là gì. Nghe đâu đó là tên của một ngày lễ hội lớn của bọn người Man. Họ tụ tập nhảy múa, uống rượu và ăn chơi vào những ngày đó. Họ gọi tên cho ngày đó là “Tế-Sạ”.

Người Man mà ông Khổng Tử nói đây chính là người Bách Việt (trong đó có người Lạc Việt, tức người Việt Nam hiện giờ). Người Bách Việt ngày xưa sống hai bên bờ sông Dương Tử, đã biết cày bừa, nuôi tằm dệt vải... Lúc đó người Hán ở vùng Hoa Hạ đang sống du cư... Khổng Tử không biết rằng “tiết” là Tết, nên ông mới phiên âm Tết là Tế-Sạ! Khổng Tử xui các vua chúa Tàu mà ông đang làm quan đem quân đi tiêu diệt bọn người Man. Khổng Tử nghe theo vua chúa Tàu, viết một cách khinh miệt các dân tộc khác, như: “*Nam man = Chó – Bắc địch = Sâu bọ - Đông di = Rắn độc – Tây nhưng = Khỉ vượn*”. Vua chúa Tàu, tự cho dân tộc Tàu là “*cao đẳng, bậc thầy*” kiểu Hitle nói dân Đức là giống dân “*Aryan*” cao quý...!

Trong khi đó lại “*lấy cắp: văn hóa Bách Việt. Nhưng chỉ công nhận là “Thuật Nhi Bất Tác*”. Nghĩa là (kể lại chứ không dám nhận là lấy cắp). Ngay chữ Tàu cũng bắt nguồn từ chữ “*Khoa Đầu*” của dân tộc Bách Việt. Và chữ “*Hán Giản Thể*” hiện nay người Tàu lục địa đang sử dụng cũng là một phần do người Nhật Bản (giản thể, bớt nét thêm nghĩa) mà thành. Nhưng người Tàu lâu nay họ cũng không dám công nhận công lao của các nhà ngôn ngữ học Nhật.

Người Bách Việt xưa sống ở phía nam sông Dương Tử, gồm có: U Việt - Công Việt - Hồ Việt - Mân Việt - Âu Việt - Điền Việt (Quảng Đông, Quảng Tây) ngày nay - Lạc Việt (Việt Nam) ngày nay - Chiêm Việt (Hải Nam) ngày nay - Nhà nước Văn Lang (Vân Nam) ngày nay. Người Bách Việt cổ đã khai sinh ra một nền nông nghiệp lúa nước. Tập hợp thành cộng đồng làng xóm và định canh, định cư rất ổn định. Từ đó, tạo ra một nền văn minh lúa nước. Người Bách Việt cổ biết khai thác: thủy nông, biết dùng sức trâu bò kéo cày, biết chế biến dụng cụ cho nông nghiệp... Chính sự phát triển của nền văn minh lúa nước đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự ra đời của những nền văn hoá đương thời như: Văn hóa Bắc Sơn - Hòa Bình - Phùng Nguyên - Đông Sơn.

Nhằm thích ứng với thiên nhiên. Người Bách Việt cổ phải dựa vào nhau để tồn tại, tập hợp thành cộng đồng. Đó là một căn bản của đơn vị hành chính làng xã, làng xã là mạch xích của xã hội. Hương Ước, ra đời từ thời điểm này. Hương Ước gồm những luật lệ do người lớn tuổi và có uy tín trong cộng đồng cùng nhau lập ra nhằm ổn định trật tự và lễ nghi, như: quan - hôn - tang - tế - tương thân - tương ái... Luật và lệ (phép vua thua lệ làng) trong hương ước có thể nói như một tòa “*hòa giải cấp địa phương*”. Người Bách Việt cổ, sống có nhân, có nghĩa... truyền lại qua ca dao... Ca dao phản ảnh văn hóa cuộc sống và đã tồn tại mấy nghìn năm vẫn không bị xóa mất như các nền văn minh khác. Tiêu biểu các câu về nhân nghĩa, như:

*-Một điều nhin, chín điều lành
-Thương người, người lại thương ta,
Ghét người mình lại hóa ra ghét mình
-Thuận vợ, thuận chồng tác biển đông cũng cạn.*

Về kinh nghiệm trồng lúa nước và dùng gia súc trong nông tang thì có các câu ca dao, như:

*-Chuồn chuồn bay thấp thì mưa
Bay cao thì nắng bay vừa thì râm*

*-Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.*

Cảm động, là bốn câu ca dao, nói về sự cơ cực của người nông dân quanh năm lận lội ngoài đồng. Bưng bát cơm trắng đưa lên miệng ăn, thì hãy nhớ:

*-Cày đồng đang buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày
Ai ơi bưng bát cơm đầy
Đẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.*

Vậy là - Ca dao Việt Nam ra đời đã có hơn: “Năm nghìn năm” (5.000). Dân Bách Việt (trong đó có Lạc Việt là người Việt Nam hiện giờ) đã biết làm lúa nước, biết trồng trà, uống trà trước người Tàu. Dân tộc bách Việt (Lạc Việt) với người Tàu, cùng có chung cái “mốc”,- năm nghìn năm lịch sử chứ không phải như sử Việt lâu nay ghi: Người Việt (Lạc Việt) chỉ có bốn nghìn năm.

Tại sao người Bách Việt, phải sinh sau người Tàu tới một nghìn năm - cả con người và văn hiến?

Thông thường ca dao đa số là lục bát, và lục bát biến thể... chưa hoàn chỉnh âm điệu cũng như cách gieo vần... Xưa nay đã có người đi tìm nguồn gốc ca dao, nhưng tất cả chỉ là ước chừng vì chẳng có thư viện nào để mà sưu tra, nghiên cứu. Người thì nói: ca dao có từ khoảng thế kỷ: mười bốn; người thì nói ca dao có từ thế kỷ: mười lăm! Đợi cho tới khi chữ “nôm” của Hàn Thuyên ra đời: Thơ truyện lục bát mới nở rộ nhiều, như:

-Bích Câu Kỳ Ngộ - Trê Cóc - Mực Liên Bản Hạnh - Chinh Phụ Ngâm Khúc - Lục Vân Tiên - Kim Vân Kiều - Phan Trần - Bích Câu Kỳ Ngộ - Thạch Sanh Lý Thông - Phạm Công Cúc Hoa - Hoa Tiên...

Thể thơ lục bát là thể thơ “quốc hồn, quốc túy” của người Việt Nam, thoát thai từ ca dao mà hình thành đồng thời khai triển và liên tục được cải tiến. Truyện Kiều là tác phẩm hoàn thiện về thể thơ Lục Bát, tiếp theo là truyện Phan Trần, tiếp theo nữa là Lục Vân Tiên...

Nguyễn Du miêu tả tình cảnh cô đơn của Kiều khi ở lầu Ngưng Bích, như một bức tranh thiên nhiên và con người trong đôi mắt của Kiều:

*Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân
Vẻ non xa, tấm trắng gần ở chung
Bốn bề bát ngát xa trông
Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia
Bẽ bàng mây sớm đèn khuya
Nửa tình, nửa cảnh như chia tấm lòng. (Kiều)*

Lục Vân Tiên, Nguyễn Đình Chiểu.

*Trước đèn xem chuyện Tây Minh
Gã cười hai chữ nhân tình éo le
Hỏi ai lắng lặng mà nghe
Dữ răn việc trước lành dè thân sau
Trai thời trung hiếu làm đầu
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình. (Lục Vân Tiên)*

Phải công nhận rằng: sau này - nhóm “Tự Lực Văn Đoàn” ra đời. Tiểu thuyết, thơ - thơ lục bát khai triển rất phong phú... Do ảnh hưởng từ trường phái văn học phương Tây - tự do sáng tác - không phải chịu sự đè nén hay quản lý khắc khe:

-Đã cho ra đời nhiều thi phẩm lục bát vượt lên hẳn ca dao (xử dụng chữ nghĩa tân kỳ, cách ngắt câu, chấm câu bất ngờ...) để trở thành những câu thơ thần kỳ, hoặc những bài thơ lục bát mang tính lãng mạn... Tuy

nhiên, chưa một nhà thơ nào làm thơ lục bát - dù có nhiều câu hay, vẫn chưa có ai thoát ra khỏi cái bóng Tiên Điền Nguyễn Du.

Tại miền Nam, văn học từ năm (1954 -1975), là thời kỳ các nhà văn, nhà thơ chịu ảnh hưởng triết Tây và Thiền Học. Kiến thức triết học Phương Tây được đưa vào trong các biên khảo khá nhiều, Như: "Một Lối Tìm Về Triết Lý Cuộc Đời Trong Ca Dao Việt Nam (Lê Tuyên); - Thiên Nhiên Trong Thi Ca Holder-Lin (Hoàng Châu Thanh); - Vũ Trụ Thơ (Đặng Tiến); - Đi Cho Hết Một Đêm Hoang Vu Trên Mặt Đất (Phạm Công Thiện); - Sa Mạc Lan Dàn (Bùi Giáng)...

Thời gian thập kỷ 60 – 70. Triết tây ảnh hưởng khá nhiều trong nhà trường và nền văn học miền Nam qua hai luồng tư tưởng triết học:

- Chữ nghĩa hiện sinh - "Existentialism", của Jean Paul Sartre
- Hiện tượng học - "Phenomenology", của Heidegger.

Thi sĩ Bùi Giáng vừa là thi sĩ, vừa là nhà dịch thuật triết học... Bùi Giáng đã mạnh dạn đưa triết học và Thiền học hòa vào thơ lục bát, đưa thơ lục bát vượt lên mấy bậc - thoát hẳn ra khỏi tầm ảnh hưởng của Nguyễn Du một cách tài tình. Đọc thơ Bùi Giáng ta bắt gặp âm hưởng, của:

- Shakespeare, - của Guil Laume Apollinaire, của - Henry Wadsworth Longfel-low, của - Hán tự Nguyễn Du, của - Verlaine, của - Walt Whitman, của - Lý Bạch, của - Tô Đông Pha, của - Đường Thi, của - Thiên Suzuky, của - Nietzsche, của - Camus, của - Heidegger, của - Gide...

Thơ Bùi Giáng phần nhiều khó hiểu, không có mấy người đủ trình độ để hiểu thơ của ông, hoặc bình thơ của ông. Thi hào người Anh T.S Eliot, nói:

"Để trở thành thi sĩ, ngoài tài nghệ của cá nhân. Người thi sĩ Chính Hiệu phải là người thông kim bác cổ; là người thừa kế di sản văn hóa của nhân loại. T.S.Eliot còn đưa ra quan niệm phi ngã trong thơ: nhà thơ không phải là người có một cá tính để thể hiện mà là người có một phương tiện đặc biệt để dùng: ngôn ngữ".

Bùi Giáng xứng đáng là thi hào. Ông biết nhiều ngoại ngữ, đã để lại cho nền văn học Việt Nam - sáu mươi (60) đầu sách các loại và hàng chục Di Cảo. Tập thơ Mưa Nguồn xuất bản năm 1962, là tập thơ nổi danh của ông. Những câu thơ tiêu biểu của Bùi Giáng:

*Hỏi tên? Rằng biển xanh đâu
Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu rất xa.
Gọi tên là một hai ba,
Đếm là diệu tượng, đo là nghi tâm. (Thiền Học)*

*Ùn lên ngọn nước bốn mùa
Núi phơ phát tuyết cổng chùa tịch liêu*

*Bây giờ xin ngó cụm cây
Chấp hàng viết nốt áng mây về trời*

*Trời thuở đó ngần nào em khổ sở
Khóc khi nhìn gió thổi nước sương buông
Tìm xa vắng bên kia bờ đố vỡ
Giòng sông em đâu có biết ngọn nguồn. (Mưa Nguồn)*

*Em đi bên ấy chân tròn khép
Hai ống mơ hồ mỗi một hang*

*Chập chờn Nữ chúa so vai
Mộng chiều Hy Lạp ngủ dài liên miên*

*Em về mấy thế kỷ sau
Nhìn trắng có thấy nguyên màu ấy không*

(Hai câu này là hai câu đầu của bài thơ “Mai sau Em Về” của Bùi Giáng. Trang Y Hạ có viết bài văn (bình) hai câu thơ đó và cũng lấy tựa đề là “Mai Sau Em Về”!

Ca dao là niềm tự hào dân tộc, là thể thơ của người Việt Nam, từ mấy nghìn năm qua vẫn tồn tại và càng ngày càng khai triển cho hoàn chỉnh. Từ ca dao tới thơ lục bát hoàn chỉnh là cả một chặng đường quá dài qua nhiều thế kỷ. Người Việt với tấm lòng yêu ca dao, yêu thơ nên giữ gìn và trân trọng. Người Việt ai ai cũng có thể làm thơ lúc bác để bày tỏ sự vui buồn, làm thơ lục bát, cho - tình yêu, cho tình yêu quê hương; cho tình bạn hữu và người thân... Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, Bùi Giáng và một số thi sĩ khác - thành danh “thi sĩ” cũng là nhờ vào thể thơ lục bát. Người Việt nam nào biết làm thơ mà không biết làm thơ lục bát là chưa phải là người Việt.

Thơ lục bát khó làm, nhưng một khi biết vận dụng ngôn ngữ thơ, ý thơ để phá vỡ thơ lục bát, thì chắc chắn sẽ có câu thơ thần... Dù không đủ sức như các ông bà thi sĩ lớn, nhưng với sự yêu thơ lục bát - nếu câu thơ lục bát làm ra có hóa ca dao - thì những điều bày tỏ trong câu thơ cũng có chứa đựng một niềm tin với đầy đủ ý nghĩa của cuộc sống hiện hữu - còn gì là vui hơn nữa. Xin mượn câu thơ của Nguyễn Du để kết thúc bài văn này.

*Thiện căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.*

Trang Y Hạ - 5.30. 2020
San Francisco